**Tuần 2**

**Toán**

**Bài 2: ÔN PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (Tiết 3)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

1. **Năng lực đặc thù:**

- Học sinh thực hiện được phép cộng, phép trừ ( Tính nhẩm và tính viết) trong phạm vi 100000 ( không nhớ và có nhớ 3 lượt và không liên tiếp); tìm thành phần chưa biết trong phép cộng và phép trừ.

- Vận dụng được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ trong thực hành tính toán và giải quyết vấn đề đơn giản.

- Học sinh có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học và mô hình hóa toán học

2. **Năng lực** **chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Kế hoach dạy học, bài giảng Powerpoint, tivi.

- HS: SGK

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khỏi động: ( 5’)**  **a. Mục tiêu:**  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  **b. Phương pháp, hình thức tổ chức**: cả lớp  - GV cho HS chơi**“Đố bạn”** Tính nhẩm nhanh các phép tính:  80 000 + 1 000 = ?  6 000 – 3 000 = ?  350 + 30 = ?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Thực hành- Luyện tập** *10’*  **a. Mục tiêu:** Vận dụng được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ trong thực hành tính và giải toán  **b. Phương pháp, hình thức tổ chức**: Cá nhân  **Bài 8** Giải bài toán theo tóm tắt sau:10’  - GV yêu cầu HS đọc tóm tắt và nêu đề bài.  -Hướng dẫn HS tìm cách giải  - GV yêu cầu HS giải bài toán.  - GV cho HS làm bài tập vào vở.    - Gọi HS sửa bài  - Nhận xét, tuyên dương.  **3. Hoạt động vận dụng**  **Hoạt động 1:Vui học 10’**  **a. Mục tiêu:**  Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết vấn đề đơn giản.  **b. Phương pháp, hình thức tổ chức**: Cá nhân, nhóm  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu hs thảo luận nhóm (4HS) tìm hiểu bài và cách giải theo các bước:  + Bước 1: Làm tròn tiền từng món hàng đến hàng chục nghìn( đối với số có 5 chữ số), hàng nghìn ( đối với số có 4 chữ số)  + Bước 2:Nhẩm tính tổng số tiền mua hàng.  + Bước 3:so sánh với 100000 đồng xem có đủ tiền mua không?  - Gọi đại diện nhóm trình bày  - Nhận xét tuyên dương.  **Hoạt động 2: Thử thách.10’**  **a. Mục tiêu:**  Giúp HS rèn luyện tư duy, phát triển năng lực toán học.  **b. Phương pháp, hình thức tổ chức**:cá nhân, nhóm đôi.  - Yêu cầu HS quan sát hình ảnh, nhận biết yêu cầu của bài  - GV gọi ý HS tìm hiểu quy luật của các hình ảnh  - Yêu cầu HS thảo luật cặp đôi tìm số hình tam giác của hình 7  - Gọi Hs trình bày  - Nhận xét tuyên dương.  **4. Hoạt động tiếp nối (4’)**  **a. Mục tiêu:**HS ôn lại các kiên thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.  **b. Phương pháp, hình thức tổ chức**:cá nhân  - Yêu cầu Hs suy nghĩ trả lời: Sau bài học em học được những gì?  - Nhận xét tiết học  - Dặn Hs xem lại bài, chuẩn bị bài: Ôn tập phép nhân, phép chia. | Hát  Tham gia trò chơi  HS lắng nghe  HS đọc và nêu đề bài: Cả hai bể chứa 625l nước. Bể A chứa 250*l* nước. Hỏi bể B chứa nhiều hơn bể A bao nhiêu *l* nước  - HS giải bài toán:  *Bài giải*  Bể B chứa số lít nước là:  625 – 250 = 375 (*l*)  Bể B chứa nhiều hơn bể A số lít nước là:  375 – 250 = 125 (*l*)  Đáp số: 125 *l* nước  - HS đọc đề bài  - Thảo luận nhóm 4 làm bài  Ví dụ: Mua quả bóng và cái nón  Quả bóng 54500đ làm tròn thành 55000đ, cái nón 31500 đ làm tròn thành 32000đ; tổng tiền hàng 55000 + 31000 = 86000đ -> đủ mua.  - HS quan sát và nêu yêu cầu.  -HS nêu: Hình sau nhiều hơn hình trước số tam giác ứng với số thứ tự của hình.  - HS thảo luận làm bài:  Hình 1: 1 tam giác  Hình 2: 1+2 = 3  Hình 3: 3 + 3 = 6  Hình 4: 6 + 4 = 10  Hình 5: 10 + 5 = 15  Hình 6:15 + 6 = 21  Hình 7: 21 + 7 = 28  -HS nêu |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………….